

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 7- 2019

*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lò Thị Dinh

2. Ông Ngô Quang Lực

- Thư ký phiên tòa: Bà Quàng Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2019/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 4 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 06 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05/7/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Tòng Thị T

Địa chỉ: Bản N, phường N, thành phố Đ, tỉnh B. (*Có mặt*).

2. *Bị đơn:* Anh Lò Văn T

Địa chỉ: Bản N, phường N, thành phố Đ, tỉnh B. (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/4/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tòng Thị T trình bày:

- Về Hôn nhân: Tôi và anh Lò Văn T đăng ký kết hôn vào tháng 05 năm 2006, do làm mất đăng ký kết hôn nên ngày 16/3/2015, chúng tôi có làm thủ tục đăng ký kết hôn lại tại UBND phường N, thành phố Đ, kết hôn tự nguyện. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia

đình vì không có sự hiểu nhau, bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề, nguyên nhân của những bất đồng quan điểm đó là do chồng tôi nghiện ma túy. Mặc dù chúng tôi đã cố gắng nhưng vẫn không thay đổi. Vì tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không có hạnh phúc nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là cháu Lò Ngân Q - sinh ngày 21/12/2008 và cháu Lò Nhã Q- sinh ngày 09/7/2015. Tôi có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, tôi không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về Tài sản và nợ: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trả lời thụ lý vụ án ngày 04/6/2019, anh Lò Văn T trình bày:

- Về Hôn nhân: Tôi và cô T lấy nhau có đăng ký kết hôn, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện chúng tôi có làm thủ tục đăng ký kết hôn lại tại UBND phường N, thành phố Đ như cô T trình bày. Nay cô T xin ly hôn, tôi đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn.

- Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là cháu Lò Ngân Q - sinh ngày 21/12/2008 và cháu Lò Q- sinh ngày 09/7/2015. Tôi đồng ý sau khi vợ chồng ly hôn cô T sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung, Cô T không yêu cầu tôi cấp dưỡng nuôi con chung, tôi nhất trí.

- Về Tài sản và nợ: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn anh Lò Văn T theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết tòa án đã triệu tập nhiều lần, nhưng anh T không có mặt theo giấy triệu tập để trình bày lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp và tiếp cận công khai chứng cứ, chị Tòng Thị T có đơn đề nghị xin không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án thấy rằng Thẩm phán thực hiện đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và tiến hành các thao tác tố tụng đã tuân thủ là đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định tại Điều 51, 227, 233, 237, 239 BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn Tòa án thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án đề nghị:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của chị Tòng Thị T đối với anh Lò Văn T. Cụ thể:

Về hôn nhân: Chị Tòng Thị T được ly hôn anh Lò Văn T.

Về nuôi con chung: Giao 02 cháu Lò Nhã Quyên, Lò Ngân Q cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Các bên có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Tòng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí đối với yêu cầu ly hôn được khấu trừ 300.0000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đó.

Tại phiên tòa nguyên đơn không có sự thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ về yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: Chị Tòng Thị T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B giải quyết ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lò Văn T có địa chỉ cư trú tại phường N, thành phố Đ nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B.

[2]. Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự:

2.1. Về hôn nhân: Hôn nhân của chị Tòng Thị T và anh Lò Văn T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố Đ, tỉnh B, nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, nguyên nhân của những bất đồng quan điểm đó là do anh T nghiện ma túy. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, và đề nghị tòa án giải quyết cho ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như phiên tòa hôm nay, anh T đều vắng mặt. Tại văn bản trả lời thụ lý vụ án ngày 04/6/2019, anh Lò Văn T cũng đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn.

Tại biên bản xác minh ngày 14/6/2019, trưởng bản N, phường N, thành phố Đ, tỉnh B xác nhận: Anh Lò Văn T là người nghiện ma túy, thuộc đối tượng quản lý của chính quyền địa phương, trong quá trình chung sống vợ chồng

thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh T thường bỏ nhà đi đâu, làm gì không ai rõ, khi ở nhà sống phụ thuộc hoàn toàn vào đồng lương của vợ.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho chị Lò Thị T được ly hôn với anh Lò Văn T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Chị T và anh T thống nhất có hai con chung là cháu Lò Ngân Q - sinh ngày 21/12/2008 và cháu Lò Q- sinh ngày 09/7/2015. Nguyên vọng của chị T là xin được nuôi cả hai cháu vì hai con còn nhỏ, cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ, cháu Q cũng có đơn xin được ở cùng mẹ. Bản thân chị T làm giáo viên, có thu nhập ổn định. Trong văn bản trả lời thụ lý, anh T cũng nhất trí để chị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu Q và Quyên, bản thân anh T là người nghiện ma túy, không thường xuyên có mặt ở nhà, nên việc để chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu Lò Ngân Q- sinh ngày 21/12/2008 và cháu Lò Q- sinh ngày 09/7/2015 là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3. Về tài sản: Hai bên không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị Tòng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tòng Thị T về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

2.1. Về hôn nhân: Chị Tòng Thị T được ly hôn với anh Lò Văn T

2.2. Về con chung: Chị Tòng Thị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò Ngân Q - sinh ngày 21/12/2008 và cháu Lò Q- sinh ngày 09/7/2015 đến khi các cháu thành niên hoặc đến khi có thay đổi khác. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. Về tài sản: Không đề cập giải quyết.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Tòng Thị T phải chịu 300.000 đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đ tại biên lai thu tiền số AA/2016/0002274 ngày 16/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh B. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. chị Tòng Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Lò Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND thành phố ĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS thành phố ĐBP;
- Tòa án tỉnh B;
- UBND phường N;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đào Thị Thúy Thành